

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MODULE SẢN PHỤ KHOA II

Tên chương trình đào tạo:	CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ Y KHOA
Tên môn học:	SẢN PHỤ KHOA II
Mã môn học:	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác <input type="checkbox"/> Học phần đồ án/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	6: 2 lý thuyết + 4 thực hành
Số tiết lý thuyết / số buổi	30 tiết: 14 giảng lý thuyết + 14 giảng ca lâm sàng + 2 phản hồi giữa kì 15 buổi: 7 giảng lý thuyết + 7 giảng ca lâm sàng + 1 phản hồi giữa kì
Số tiết thực hành/số buổi	120 tiết thực hành: 8 tuần (3 tiết/ngày x 5 ngày/tuần x 8 tuần) (không kể tuần thi)
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	

1. MÔ TẢ

Trong chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa, môn học Sản Phụ Khoa có mục tiêu là trang bị cho người học những năng lực về kiến thức và về kỹ năng cơ bản của thực hành Sản Phụ khoa trong cộng đồng. Toàn bộ các năng lực cơ bản này của Sản Phụ khoa được chia cho 3 module: module hệ sinh sản, module Sản Phụ khoa I, và module Sản Phụ khoa II.

Module Hệ sinh sản (được giảng trong năm thứ ba) là một module tích hợp ngang với các môn y học cơ sở khác, trang bị cho người học các năng lực kiến thức cơ bản về hệ sinh sản, bao gồm giải phẫu học, mô học, sinh lý học, hóa sinh học, sinh học, di truyền học của các cơ quan thuộc hệ sinh sản, của tiến trình thụ tinh và thụ thai.

Module Sản Phụ khoa I (còn gọi là *Module Sản khoa*, được giảng trong năm thứ tư) tích hợp dọc với module Hệ sinh sản, trang bị cho người học các năng lực kiến thức và thực hành cơ bản về chăm sóc sức khỏe sinh sản cho thai phụ, tập trung vào những vấn đề lưu hành phổ biến trong mô hình bệnh tật của thai phụ người Việt Nam, vào các chăm sóc thiết yếu trong cuộc chuyển dạ, và cuối cùng là vào chăm sóc sau sanh, bao gồm cả thực hành nuôi con bằng sữa mẹ.

Module Sản Phụ khoa II (còn gọi là *Module Phụ khoa*, được giảng trong năm thứ sáu) tích hợp dọc với module Hệ sinh sản, trang bị cho người học các năng lực kiến thức và thực hành cơ bản về chăm sóc sức khỏe sinh sản nữ, tập trung vào tầm soát, nhận diện và quản lý các bệnh lý phổ biến trong mô hình bệnh tật của phụ nữ Việt Nam. Các vấn đề này gồm: xuất huyết tử cung bất thường, tiết dịch âm đạo bất thường, các bệnh lây qua tình dục, các khối hay tân lập lành và ác tính ở đường sinh dục nữ, các vấn đề về tuyến vú, và thực hành kiểm soát sinh sản (tránh thai và phá thai an toàn).

2. TÀI LIỆU HỌC TẬP

Tiếng Việt

Tài liệu học tập bằng Tiếng Việt có thể được tìm thấy dưới cả hai hình thức là bản cứng và bản mềm.

Bản mềm được cung cấp tại trang e-learning của Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh: <https://elearning.ump.edu.vn>

Bản cứng là các sách giáo khoa biên soạn và phát hành bởi Bộ môn Phụ Sản, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh:

1. Vương Thị Ngọc Lan, Âu Nhựt Luân. *Y học Sinh sản đại cương*. NXB Y học. 2020.
2. Lê Hồng Cẩm, Âu Nhựt Luân. *Bài giảng Phụ khoa*. NXB Y học. 2017.

Tiếng Anh

Tài liệu Tiếng Anh dùng để tham khảo, đã được chọn lọc theo nguyên lý: cơ bản - hiện đại - theo Y học chứng cứ

1. Robert Casanova and editors. *Beckman and Ling's Obstetrics and Gynecology*, 8th Ed. 2019
2. Hacker and editors. *Hacker and Moore's essentials of Obstetrics and Gynecology*, 6th Ed, 2016.

3. MỤC TIÊU HỌC TẬP

Module Sản Phụ khoa II có **hai mục tiêu tổng quát** (CLO)

1. Tầm soát được, nhận diện được và cung cấp được xử lý ban đầu thích hợp cho các vấn đề phụ khoa phổ biến của mô hình bệnh tật Việt Nam trên cơ sở của y học chứng cứ.
2. Tư vấn thích hợp và cung cấp chính xác các nội dung liên quan đến thực hành tránh thai/phá thai an toàn bằng các phương tiện phổ biến tại Việt Nam.

Hai mục tiêu tổng quát này được mô tả thành **các mục tiêu chuyên biệt**, được trình bày trong các bảng.

A. Mục tiêu kiến thức		Đối sánh với chuẩn đầu ra của chương trình (PLO)
A1	Vận dụng được kiến thức y học cơ sở về chu kỳ buồng trứng-nội mạc tử cung để lý giải và đề thực thi các nguyên lý của tiếp cận chẩn đoán và của quản lý xuất huyết tử cung bất thường không liên quan đến thai kỳ	C1, C2
A2	Vận dụng được kiến thức về sinh lý thụ thai và thai kỳ giai đoạn sớm để lý giải và đề thực thi các nguyên lý của tiếp cận chẩn đoán và của quản lý xuất huyết tử cung bất thường có liên quan đến tam cá nguyệt thứ nhất của thai kỳ	C1, C2
A3	Vận dụng được kiến thức về sinh bệnh học của các bệnh lý nhiễm trùng đường sinh dục nữ phổ biến để lý giải và đề thực thi các nguyên lý của quản lý các trường hợp tiết dịch âm đạo bất thường	C1, C2, C3
A4	Vận dụng được kiến thức về sinh bệnh học của các bệnh lây qua tình dục để lý giải và đề thực thi các nguyên lý của dự phòng, của tầm soát và của quản lý các bệnh lây qua tình dục	C1, C2, C3
A5	Vận dụng được kiến thức về sinh bệnh học của ung thư cổ tử cung để lý giải và đề thực thi các nguyên lý của chương trình tầm soát ung thư cổ tử cung và các nguyên lý của quản lý theo sau kết quả tầm soát	C1, C2, C3
A6	Vận dụng được kiến thức về sinh bệnh học của ung thư cổ tử cung để lý giải và đề thực thi các nguyên lý của chương trình dự phòng ung thư cổ tử cung , bao gồm cả tiêm phòng	C1, C2, C3
A7	Vận dụng được kiến thức y học cơ sở về sinh bệnh học của hai bệnh lý phổ biến của tử cung là u xơ-cơ và adenomyosis để lý giải và đề thực thi các nguyên lý của tiếp cận chẩn đoán và quản lý theo vấn đề chủ	C1, C2
A8	Vận dụng được kiến thức về mô phôi học, mô bệnh học, hình ảnh học của buồng trứng để lý giải và đề thực thi các nguyên lý của tiếp cận chẩn đoán và quản lý các cấu trúc không tân lập và tân lập của buồng trứng	C1, C2
A9	Vận dụng được kiến thức về mô học, bệnh học, hình ảnh học của tuyến vú để lý giải và đề thực thi các nguyên lý của tiếp cận chẩn đoán và quản lý các vấn đề thường gặp của tuyến vú	C1, C2
A10	Vận dụng được kiến thức về mô học, bệnh học, hình ảnh học của ung thư vú để lý giải và đề thực thi các nguyên lý của tầm soát ung thư vú và các nguyên lý của quản lý theo sau kết quả tầm soát	C1, C2, C3
A11	Vận dụng được kiến thức về sinh lý chu kỳ buồng trứng-chu kỳ nội mạc tử cung và sinh lý thụ thai để lý giải các nguyên lý của thực hành tránh thai và của quản lý các vấn đề liên quan đến tránh thai	C1, C2, C3

C1: Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và y học lâm sàng trong thực hành chăm sóc sức khỏe.

C2: Vận dụng được y học dựa trên chứng cứ trong thực hành chăm sóc sức khỏe.

C3: Vận dụng được các kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng.

B. Mục tiêu kỹ năng		Đối sánh với chuẩn đầu ra của chương trình (PLO)
B1	Khai thác đúng cách, đầy đủ, có định hướng các thông tin tiền sử, bệnh sử của người bệnh đến khám vì một vấn đề phụ khoa*	C4
B2	Thực hiện đúng qui cách, đầy đủ, có tôn trọng sự riêng tư một cuộc khám phụ khoa, bao gồm đặt mô vệt, khám âm đạo bằng tay	C4, C10
B3	Thực hiện đúng qui cách, đầy đủ, có tôn trọng sự riêng tư một cuộc khám cho một người đến vì một vấn đề về tuyến vú	C4, C10
B4	Vận dụng được kiến thức về bệnh học và thông tin y học chứng cứ để lí giải tính giá trị và đề ra quyết định chọn lựa khảo sát cận lâm sàng thích hợp trong phụ khoa*	C4
B5	Thực hiện đúng qui cách việc lấy mẫu sinh phẩm khảo sát cho một trường hợp tiết dịch âm đạo bất thường	C4
B6	Thực hiện đúng qui cách việc lấy phết tế bào học cổ tử cung cho tầm soát ung thư cổ tử cung bằng các phương tiện thông dụng	C4
B7	Vận dụng được kiến thức về bệnh học và thông tin y học chứng cứ để lí giải kết quả của siêu âm phụ khoa*	C4
B8	Vận dụng được kiến thức về bệnh học và thông tin y học chứng cứ để lí giải các kết quả của các khảo sát cận lâm sàng trong phụ khoa (khác với siêu âm)*	C4
B9	Làm được một bệnh án phụ khoa đúng qui cách, có đủ thông tin thể hiện được vấn đề chủ, phục vụ được cho việc ra quyết định quản lí	C4,
B10	Vận dụng được kiến thức về bệnh học và thông tin y học chứng cứ để ra quyết định về kế hoạch điều trị và theo dõi một bệnh lí phụ khoa*	C4, C5, C6, C7
B11	Tư vấn hiệu quả cho một phụ nữ đến khám phụ khoa định kì nhằm mục đích tầm soát và dự phòng các vấn đề phụ khoa phổ biến*	C7, C8
B12	Tư vấn hiệu quả cho một phụ nữ đến với yêu cầu chọn lựa hay yêu cầu thực hiện các biện pháp kiểm soát sinh sản	C7, C8
B13	Thực hiện đúng qui định pháp chế về kê đơn thuốc và hướng dẫn người bệnh sử dụng thuốc được kê đơn	C9, C10
B14	Thực hiện hiệu quả việc giao tiếp với người bệnh và gia đình người bệnh, bao gồm cả thông báo tin xấu	C8, C10, C11

* Thuộc mục tiêu kiến thức trong bảng A

C4: Thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng; chẩn đoán chính xác các bệnh lí phổ biến.

C5: Thiết lập kế hoạch điều trị chăm sóc sức khỏe toàn diện và hợp lí, theo nguyên tắc người bệnh là trung tâm.

C6: Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị người bệnh phù hợp với vai trò, chức năng bác sĩ y khoa; đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả.

C7: Xác định được các vấn đề sức khỏe thông thường trong cộng đồng, lập kế hoạch và đề xuất các giải pháp thích hợp

C8: Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với người bệnh và người thân của người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong thực hành chăm sóc sức khỏe.

C9: Thực hiện tổ chức, quản lí và duy trì môi trường làm việc chuyên môn một cách an toàn và hiệu quả.

C10: Tuân thủ các qui định pháp lí và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc sức khỏe.

C11: Thể hiện tính chuyên nghiệp và phát triển nghề nghiệp liên tục trong thực hành chăm sóc sức khỏe.

C. Mục tiêu thái độ		Đối sánh với chuẩn đầu ra của chương trình (PLO)
C1	Đồng cảm với người bệnh và gia đình	C11
C2	Quan tâm tới cảm xúc, nhu cầu của người bệnh và gia đình	C11
C3	Trung thực, tôn trọng, bảo mật và có trách nhiệm với người bệnh và gia đình	C10, C11
C4	Tôn trọng tính riêng tư, tín ngưỡng của người bệnh và gia đình	C11
C5	Quan tâm đến chi phí-hiệu quả, an toàn người bệnh trong chẩn đoán và điều trị	C10
C6	Tôn trọng, cộng tác tốt với các đồng sự: điều dưỡng, bác sĩ, nhân viên y tế khác	C10, C11
C7	Tuân thủ các nội qui, qui định của bộ môn, bệnh viện	C10
C8	Giảng dạy, hỗ trợ học tập cho các sinh viên năm dưới	C11

C10: Tuân thủ các qui định pháp lí và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc sức khỏe.

C11: Thể hiện tính chuyên nghiệp và phát triển nghề nghiệp liên tục trong thực hành chăm sóc sức khỏe.

4. LƯỢNG GIÁ NGƯỜI HỌC

Lượng giá lí thuyết

Các bài lượng giá lí thuyết

Kiểu lượng giá	Phương thức đánh giá	Mục tiêu lượng giá	Tỉ lệ điểm (%)
A1. Lượng giá thường xuyên	iRAT Hoàn thành 20 MCQ online, trên e-learning, đêm trước buổi học TBL iRAT. Hoàn thành 20 MCQ tại lớp, trong buổi học lí thuyết TBL	Các mục tiêu kiến thức A1-A11 (có tích hợp với các mục tiêu thái độ C1-C8)	10
A2. Lượng giá giữa kì	Bài lượng giá giữa kì 60 câu MCQ, từ chủ đề 1-4	Các mục tiêu kiến thức A1-A7 (có tích hợp với các mục tiêu thái độ C1-C8)	20
A3. Lượng giá cuối kì	Bài lượng giá cuối kì 100 câu MCQ, từ chủ đề 1-7	Các mục tiêu kiến thức A1-A11 (có tích hợp với các mục tiêu thái độ C1-C8)	70

Test blueprint cho kì lượng giá A2

	Kĩ năng	Nội dung được lượng giá		Mức năng lực lượng giá trên thang Bloom			Tổng cộng
				Nhớ	Hiểu	Ứng dụng	
1	A1	Quản lí xuất huyết từ cung bất thường	A1.1. Nhận diện, chẩn đoán		2 câu	3 câu	11
			A1.2. Ra quyết định quản lí		2 câu	4 câu	
2	A2	Quản lí xuất huyết bất thường trong TCN 1	A2.1. Nhận diện, chẩn đoán		1 câu	1 câu	4
			A2.2. Ra quyết định quản lí		1 câu	1 câu	
3	A3	Quản lí tiết dịch âm đạo bất thường	A3.1. Nhận diện, chẩn đoán		1 câu	1 câu	4
			A3.2. Ra quyết định quản lí		1 câu	1 câu	
4	A4	Quản lí các bệnh lây qua tình dục	A4.1. Nhận diện, chẩn đoán		2 câu	3 câu	11
			A4.2. Ra quyết định quản lí		2 câu	4 câu	
5	A5	Tầm soát ung thư cổ tử cung và quản lí	A5.1. Nhận diện, chẩn đoán		2 câu	3 câu	11
			A5.2. Ra quyết định quản lí		2 câu	4 câu	
6	A6	Dự phòng ung thư cổ tử cung	A6.1. Cơ sở sinh bệnh học		1 câu	1 câu	4
			A6.2. Thực hành dự phòng		1 câu	1 câu	
7	A7	Quản lí các bệnh lành tính của tử cung	A7.1. Nhận diện, chẩn đoán		3 câu	4 câu	15
			A7.2. Ra quyết định quản lí		3 câu	5 câu	
Tổng cộng				0	24 (40%)	36 (60%)	60

Test blueprint cho kì lượng giá A3

	Kĩ năng	Nội dung được lượng giá		Mức năng lực lượng giá trên thang Bloom			Tổng cộng
				Nhớ	Hiểu	Ứng dụng	
1	A1	Quản lí xuất huyết từ cung bất thường	A1.1. Nhận diện, chẩn đoán		2 câu	3 câu	11
			A1.2. Ra quyết định quản lí		2 câu	4 câu	
2	A2	Quản lí xuất huyết bất thường trong TCN 1	A2.1. Nhận diện, chẩn đoán		1 câu	1 câu	4
			A2.2. Ra quyết định quản lí		1 câu	1 câu	
3	A3	Quản lí tiết dịch âm đạo bất thường	A3.1. Nhận diện, chẩn đoán		1 câu	1 câu	4
			A3.2. Ra quyết định quản lí		1 câu	1 câu	
4	A4	Quản lí các bệnh lây qua tình dục	A4.1. Nhận diện, chẩn đoán		2 câu	3 câu	11
			A4.2. Ra quyết định quản lí		2 câu	4 câu	
5	A5	Tầm soát ung thư cổ tử cung và quản lí	A5.1. Nhận diện, chẩn đoán		2 câu	3 câu	11
			A5.2. Ra quyết định quản lí		2 câu	4 câu	
6	A6	Dự phòng ung thư cổ tử cung	A6.1. Cơ sở sinh bệnh học		1 câu	1 câu	4
			A6.2. Thực hành dự phòng		1 câu	1 câu	
7	A7	Quản lí các bệnh lành tính của tử cung	A7.1. Nhận diện, chẩn đoán		3 câu	4 câu	15
			A7.2. Ra quyết định quản lí		3 câu	5 câu	
8	A8	Quản lí khối ở phần phụ và u buồng trứng	A8.1. Nhận diện, chẩn đoán		3 câu	6 câu	15
			A8.2. Ra quyết định quản lí		3 câu	3 câu	
9	A9	Quản lí các vấn đề thường gặp ở tuyến vú	A9.1. Nhận diện, chẩn đoán		1 câu	1 câu	3
			A9.2. Ra quyết định quản lí		0 câu	1 câu	
10	A10	Tầm soát ung thư vú và quản lí	A10.1. Nguyên lí, chiến lược		2 câu	2 câu	7
			A10.2. Ra quyết định quản lí		1 câu	2 câu	
11	A11	Thực hành tránh thai và phá thai an toàn	A11.1. Nguyên lí, thực hành		3 câu	4 câu	15
			A11.2. Quản lí vấn đề phát sinh		3 câu	4 câu	
			A11.3. Khái niệm của WHO		0 câu	1 câu	
Tổng cộng				0	40	60	100

Báo cáo điểm lý thuyết học phần

Điểm A1: có làm iRAT_n → có dự tRAT_n → lấy điểm tRAT_n x 0,14 → lấy tổng các tRAT_i đến tRAT₇ → điểm A1

Điểm A2: tính trên số câu đúng trên tổng số 60 câu MCQ, được qui định theo cách tính điểm cho học chế tín chỉ.

Điểm A3: tính trên số câu đúng trên tổng số 100 câu MCQ, được qui định theo cách tính điểm cho học chế tín chỉ.

Nếu người học vắng thi A2 thì sẽ không có A2 để báo cáo. Ghi 0 điểm vào mục điểm A2 để tính điểm lý thuyết học phần.

Cấu trúc, phân bổ nội dung của bài lượng giá A2 và bài A3 đã được mô tả trong *test blueprint* MCQ ở phần trên.

$$\text{Điểm lý thuyết học phần} = (\text{điểm A1} \times 0.1) + (\text{điểm A2} \times 0.2) + (\text{điểm A3} \times 0.7)$$

Gọi là đạt yêu cầu về lý thuyết khi điểm lý thuyết học phần ≥ 4 .

Lượng giá thực hành

Các bài lượng giá thực hành

Kiểu lượng giá	Phương thức đánh giá	Mục tiêu lượng giá	Tỉ lệ điểm (%)
B1. Lượng giá thường xuyên	Mini-CEX, tại thực địa Có thể bắt đầu từ cuối tuần thứ nhì cho đến trước khi thực hiện B2 Sử dụng rubrics	Các mục tiêu kỹ năng B1-B14 (có tích hợp với các mục tiêu thái độ C1-C8)	SV nên hoàn thành ≥ 2 B1 để được dự B2
B2. Lượng giá giữa kì	Mini-CEX, tại thực địa Vào cuối tuần thứ 5, khi đã đạt yêu cầu ≥ 2 B1 (khuyến khích) Sử dụng rubrics	Các mục tiêu kỹ năng B1-B14 (có tích hợp với các mục tiêu thái độ C1-C8)	30
B3. Lượng giá cuối kì	OSCE, tại ATCS Ít nhất 6 trạm, trên bệnh nhân mô phỏng và công cụ mô phỏng Sử dụng rubrics	Các mục tiêu kỹ năng B1-B14 Các mục tiêu kiến thức A1-A11 (có tích hợp với các mục tiêu thái độ C1-C8)	70

Test blueprint cho kì lượng giá B3

Bài lượng giá B3 được tổ chức theo hình thức OSCE, gồm ít nhất là 6 trạm thi, có nội dung theo *test blueprint* sau:

Phạm vi hay lĩnh vực của trạm	Số lượng trạm	Mục tiêu kỹ năng được lượng giá				
		B1 & B14	B11 / B12 & B14	B2 / B3 / B5 / B6	B4 / B7 / B8	B4 / B10 / B13
A1 / A7	1	✓		✓		✓
A2	1		✓		✓	✓
A3 / A4 / A5 / A6	1			✓	✓	✓
A8	1				✓	✓
A11	1	✓	✓			✓
A2	1		✓		✓	✓
Tổng cộng	6	2	3	2	4	6

* Mục tiêu kỹ năng B9 được lượng giá bằng Mini-CEX

Báo cáo điểm thực hành học phần

Điểm B1: không dùng cho báo cáo điểm thực hành.

Tuy nhiên, người học nên có ≥ 2 bài B1 ở mức đạt yêu cầu để có được sự chuẩn bị tốt nhất cho bài thi có lấy điểm (B2).

Điểm B2: được cho theo rubric đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu kỹ năng qua bài Mini-CEX.

Điểm B3: được cho theo qui định chi tiết bên dưới.

Nếu người học không có điểm B2 thì sẽ ghi 0 điểm vào mục điểm B2 để tính điểm thực hành học phần.

Tính điểm bài lượng giá B3

Bài B3 có ít nhất 6 trạm thành phần được chấm riêng với rubric. Điểm của trạm thành phần được ghi với 2 số thập phân.

Gọi là *đạt yêu cầu* ở bài lượng giá B3 khi người học *thỏa cùng lúc hai điều kiện*:

- (1) Phải có $\geq \frac{1}{2}$ số trạm thành phần đạt ≥ 4 điểm.
và
- (2) Điểm tổng hợp của tất cả các trạm ≥ 4 điểm, sau khi được làm tròn đến một số thập phân.

Gọi là *không đạt yêu cầu* ở bài lượng giá B3 khi người học bị rơi vào một trong hai tình huống:

- (1) Chỉ có $\leq \frac{1}{2}$ số trạm thành phần đạt ≥ 4 điểm
hay
- (2) Điểm tổng hợp của tất cả các trạm ≤ 3.9 điểm, sau khi được làm tròn đến một số thập phân.

Cách tính điểm thực hành học phần

Nếu không rơi vào các tình huống được qui định ở mục trên, thì điểm thực hành học phần được tính như sau:

$$\text{Điểm thực hành học phần} = (\text{điểm B2} \times 0.3) + (\text{điểm B3} \times 0.7)$$

Gọi là *đạt phần thực hành* của học phần khi người học *thỏa cùng lúc hai điều kiện* sau:

- (1) Đạt yêu cầu ở bài lượng giá B3
và
- (2) Điểm thực hành học phần ≥ 4.0 sau khi được làm tròn đến một số thập phân

Gọi là *không đạt phần thực hành* của học phần khi rơi vào một trong hai tình huống:

- (1) Không đạt yêu cầu ở bài lượng giá B3, bất chấp điểm số của bài B2
hay
- (2) Điểm thực hành học phần ≤ 3.9 sau khi được làm tròn đến một số thập phân

Cách ghi điểm thực hành học phần

Cách ghi điểm đạt: ghi điểm thực hành học phần, chỉ làm tròn đến một số thập phân.

Cách ghi điểm không đạt: ghi vào mục điểm cuối kì là *không đạt*. Không ghi kết quả bằng điểm số.

Đánh giá mức hoàn thành kỹ năng cuối kì theo EPA

	Mục tiêu kỹ năng	EPA	Mức tin cậy	Phương pháp
B1	Khai thác đúng cách, đầy đủ, có định hướng các thông tin tiền sử, bệnh sử của người bệnh*	EPA 1A, 1B, 1C	4	Quan sát trực tiếp OSCE
B2	Thực hiện đúng, đầy đủ, có tôn trọng sự riêng tư một cuộc khám phụ khoa (đặt mô vật, khám âm đạo)	EPA 1D	4	Quan sát trực tiếp OSCE
B3	Thực hiện đúng, đầy đủ, có tôn trọng sự riêng tư một cuộc khám cho một người có vấn đề về vú	EPA 1D, 1E, 1F	4	Quan sát trực tiếp OSCE
B4	Vận dụng được kiến thức về bệnh học và thông tin EBM để lí giải và ra quyết định chọn CLS*	EPA 3B	3	Quan sát trực tiếp OSCE
B5	Thực hiện đúng việc lấy mẫu sinh phẩm khảo sát cho một trường hợp tiết dịch âm đạo bất thường	EPA 8A, 8B	4	Quan sát trực tiếp OSCE
B6	Thực hiện đúng lấy phết tế bào cổ tử cung tầm soát ung thư cổ tử cung bằng phương tiện thông dụng	EPA 8A, 8B	4	Quan sát trực tiếp OSCE
B7	Vận dụng được kiến thức về bệnh học và thông tin EBM để lí giải kết quả của siêu âm phụ khoa*	EPA 3A, 3B, 3C	EPA 3A, 3C: 4 EPA 3B: 3	Quan sát trực tiếp OSCE
B8	Vận dụng được kiến thức về bệnh học và thông tin EBM để lí giải các kết quả của các khảo sát CLS *	EPA 3A, 3B, 3C	EPA 3A, 3C: 4 EPA 3B: 3	Quan sát trực tiếp OSCE
B9	Làm được bệnh án phụ khoa đúng qui cách, đủ thông tin, phục vụ cho việc ra quyết định quản lí	EPA 5A, 5B, 5C	4	Quan sát trực tiếp OSCE

B10	Vận dụng được kiến thức về bệnh học và thông tin EBM để ra quyết định điều trị và theo dõi phụ khoa*	EPA 2B, 4A	4	Quan sát trực tiếp OSCE
B11	Tư vấn hiệu quả cho một phụ nữ đến khám định kì để tầm soát các vấn đề phụ khoa phổ biến*	EPA 2C	3	Quan sát trực tiếp OSCE
B12	Tư vấn hiệu quả cho một phụ nữ đến với yêu cầu chọn lựa / thực hiện các biện pháp kiểm soát sinh sản	EPA 2C	3	Quan sát trực tiếp OSCE
B13	Thực hiện đúng qui định pháp chế về kê đơn thuốc và hướng dẫn người bệnh dùng thuốc được kê đơn	EPA 4A, 4B, 4C	4	Quan sát trực tiếp OSCE
B14	Thực hiện hiệu quả việc giao tiếp với người bệnh và gia đình người bệnh, bao gồm cả thông báo tin xấu	EPA 1F, 2C	EPA 1F: 4 EPA 2C: 3	Quan sát trực tiếp OSCE

5. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Lí thuyết

Tên bài giảng	Số tiết	Phương pháp	GV phụ trách	Mục tiêu	Lượng giá
Chủ đề 1: Tiếp cận và quản lý một trường hợp xuất huyết tử cung bất thường trong và ngoài tuổi sinh sản	2 tiết RAT 2 tiết ca LS	Team-Based Learning	Vương Thị Ngọc Lan Phạm Thanh Hoàng Trần Nhật Huy Thân Trọng Thạch	A1, A2	iRAT và tRAT Lượng giá giữa kì Lượng giá cuối kì
Chủ đề 2: Tiếp cận một trường hợp tiết dịch âm đạo bất thường. Quản lý các bệnh lây qua tình dục.	2 tiết RAT 2 tiết ca LS	Team-Based Learning	Nguyễn Hồng Hoa Bùi Chí Thương Trương Ngọc Diễm Trinh Cao Thị Mai Phương	A3, A4	iRAT và tRAT Lượng giá giữa kì Lượng giá cuối kì
Chủ đề 3: Nguyên lý, chiến lược tầm soát và dự phòng ung thư cổ tử cung. Quản lý tổn thương trong biểu mô lát.	2 tiết RAT 2 tiết ca LS	Team-Based Learning	Hồ Viết Thắng Nguyễn Thị Hương Xuân Ngô Thị Bình Lụa Nguyễn Văn Yến Nhi	A5, A6	iRAT và tRAT Lượng giá giữa kì Lượng giá cuối kì
Chủ đề 4: Tiếp cận và quản lý các bệnh lý lành tính thường gặp của tử cung: u xơ-cơ tử cung và adenomyosis	2 tiết RAT 2 tiết ca LS	Team-Based Learning	Âu Nhựt Luân Nguyễn Thị Ngọc Trúc Phạm Hùng Cường Nguyễn Huỳnh Ngọc Tân	A7	iRAT và tRAT Lượng giá giữa kì Lượng giá cuối kì
Lượng giá giữa kì (A2): các mục tiêu từ A1 đến A7, 60 câu MCQs					
Phản hồi giữa kì					
Chủ đề 5: Tiếp cận và quản lý một khối ở phần phụ. Nguyên lý tiếp cận và quản lý các cấu trúc tân lập của buồng trứng.	2 tiết RAT 2 tiết ca LS	Team-Based Learning	Nguyễn Hữu Trung Nguyễn Vũ Hà Phúc Lê Thị Mỹ Trinh Nguyễn Thị Bích Qui	A8	iRAT và tRAT Lượng giá cuối kì
Chủ đề 6: Tiếp cận và quản lý các vấn đề thường gặp của vú. Chiến lược, thực hành tầm soát ung thư vú.	2 tiết RAT 2 tiết ca LS	Team-Based Learning	Huỳnh Vĩnh Phạm Uyên Phan Nguyễn Hoàng Văn Trần Thị Minh Châu Nguyễn Thị Kim Mai	A9, A10	iRAT và tRAT Lượng giá cuối kì
Chủ đề 7: Nguyên lý của thực hành tránh thai và các vấn đề liên quan. Khái niệm phá thai an toàn của WHO.	2 tiết RAT 2 tiết ca LS	Team-Based Learning	Trần Lệ Thủy Nguyễn Duy Hoàng Minh Tâm Đỗ Thị Ngọc Mỹ Nguyễn Đăng Phước Hiền	A11	iRAT và tRAT Lượng giá cuối kì
Lượng giá cuối kì (A3): các mục tiêu từ A1 đến A11, 100 câu MCQs					
Tổng cộng: 14 tiết RAT + 14 tiết ca lâm sàng + 2 tiết lượng giá và phản hồi giữa kì = 30 tiết					

Tiền lâm sàng

Tên bài giảng	Số tiết	Phương pháp	GV chịu trách nhiệm nội dung	Mục tiêu	Lượng giá
Chủ đề 1: Khai thác tiền sử, bệnh sử. Khám lâm sàng phụ khoa và tuyến vú.	3 tiết	Thực hành tại ATCS. Team working. Role playing.	Lê Thị Mỹ Trinh Nguyễn Đăng Phước Hiền Cao Thị Mai Phương	B1, B2, B3, B9, B14	Đánh giá đồng đẳng Phản hồi Công cụ: rubrics
Chủ đề 2: Thực hiện phết tế bào cổ tử cung. Tư vấn kết quả tầm soát dương tính	3 tiết	Thực hành tại ATCS. Team working. Role playing.	Phạm Thanh Hoàng Nguyễn Thị Hương Xuân Trần Thị Minh Châu	B5, B6, B10, B11, B14	Đánh giá đồng đẳng Phản hồi Công cụ: rubrics
Chủ đề 3: Đọc và diễn giải khảo sát hình ảnh học trong phụ khoa: siêu âm, MRI	3 tiết	Thực hành tại ATCS. Team working. Role playing.	Âu Nhựt Luân Nguyễn Vũ Hà Phúc Phạm Hùng Cường	B4, B7, B8, B10	Đánh giá đồng đẳng Phản hồi Công cụ: rubrics
Chủ đề 4: Các can thiệp thường thực hiện trong lâm sàng phụ khoa	3 tiết	Kiến tập video clip. Thực hành tại ATCS. Team working.	Nguyễn Hồng Hoa Hồ Viết Thắng Trần Nhật Huy	B10	Đánh giá đồng đẳng Phản hồi Công cụ: rubrics

Chủ đề 5: Tư vấn về tránh thai. Đặt dụng cụ cung T-Cu 380A.	3 tiết	Thực hành tại ATCS. Team working. Role playing.	Huỳnh Vĩnh Phạm Uyên Đỗ Thị Ngọc Mỹ Ngô Thị Bình Lựa	B1, B2, B3, B12, B14	Đánh giá đồng đăng Phản hồi Công cụ: rubrics
<i>Lượng giá cuối kì cho tiền lâm sàng tích hợp vào lượng giá cuối kì học phần (B3). Trong tuần 1 chỉ có đánh giá đồng đăng bằng cách dùng rubrics</i>					

Thực hành lâm sàng bệnh viện

Ngoại trừ giờ lí thuyết ở trường, người học sẽ thực hành lâm sàng bệnh viện toàn thời gian, luân khoa theo bloc nội dung:

	Bloc 1 CLO: B1, B2, B3, B4, B5, B6, B7, B8, B10, B11, B12, B13, B14	Bloc 2 CLO: B1 B2, B4, B7, B8, B9, B10, B13, B14	Bloc 3 CLO: B1, B2, B4, B7, B8, B9, B10, B13, B14
Tuần 1	Tuần lễ tiền lâm sàng: các nhóm làm quen buổi chiều với trại bệnh sẽ đi ở tuần 2-3		
Từ đầu tuần 2 đến hết tuần 8	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
	Nhóm 3	Nhóm 1	Nhóm 2
	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 1
Tuần 2 đến 5	Lượng giá quá trình, bài lượng giá B1, tại khoa lâm sàng đang đi luân khoa		
Cuối tuần 5-6	Lượng giá giữa kì, bài lượng giá B2, tại khoa lâm sàng đang đi luân khoa		
Tuần 9	Tuần lễ lượng giá cuối kì: các nhóm ở lại trại bệnh đang đi ở tuần 8. Ngày Thứ Tư tuần 9: kì lượng giá B3 tại ATCS.		
Cuối tuần 9	Giảng viên thực hiện nhận xét EPA tại trại, trên phần mềm chung của Khoa Y.		

Các bloc được tổ chức tùy theo điều kiện ở từng cơ sở, theo nội dung chăm sóc:

Bloc 1: các khoa khám bệnh phụ khoa, bao gồm cả khoa khám và tư vấn kế hoạch gia đình, có thể có khám nữ

Bloc 2: các khoa phụ khoa nội trú có liên quan đến phẫu thuật, bao gồm cả ung thư phụ khoa

Bloc 3: các khoa phụ khoa nội trú không liên quan đến phẫu thuật

Đối với trực đêm, người học sẽ đi khoa cấp cứu với tần suất 1 buổi/tuần, để hoàn thành các mục tiêu kĩ năng đã xác định trên, đồng thời sẽ đi thêm khoa phòng sanh để ôn lại module Sản Phụ khoa I, để chuẩn bị module Thi tốt nghiệp.

Nếu một bloc có nhiều khoa, các cơ sở thực hành phân số người học trong một nhóm ra cho tất cả các trại bệnh của bloc, và tiến hành xoay vòng trong nội bộ bloc trong thời gian qui định.

Người học sẽ thực hiện các đêm trực, để hoàn thành các kĩ năng B1-B14, theo vị trí được phân công bởi cơ sở thực hành.

Ngoài các kì lượng giá B1, người học cần sử dụng các công cụ Mini-CEX, Portfolio được cung cấp trên trang e-learning <https://elearning.ump.edu.vn> để tự đánh giá tiến độ hoàn thành mục tiêu, với sự hỗ trợ của các đồng đẳng hay giảng viên.

Các hình thức hoạt động tại bệnh viện:

	Loại hình hoạt động học tập (của người học)	Loại hình hoạt động giảng dạy (của người dạy)
1	Thăm, khám người bệnh mỗi ngày (giường bệnh được phân công)	Giảng dạy tại giường bệnh Mô hình RIME ± mô hình SPIKES
2	Hỏi, khám và làm bệnh án cho người bệnh mới nhập viện (giường bệnh được phân công)	Đọc bệnh án Cung cấp phản hồi cho người thực hiện bệnh án
3	Khám người bệnh ở phòng khám phụ khoa (với giám sát của giảng viên hay người có trách nhiệm điều trị)	Giảng dạy theo từng ca lâm sàng Mô hình RIME ± mô hình SPIKES
4	Tham gia trực đêm (7:00 PM - 7:00 AM) Đảm nhận trình ca bệnh trong giao ban sáng hôm sau	Giảng dạy theo từng ca lâm sàng Mô hình RIME ± mô hình SPIKES
5	Trình ca lâm sàng hay dự trình ca lâm sàng tại giường bệnh (theo chỉ định)	Giảng dạy theo từng ca lâm sàng Mô hình RIME ± mô hình SPIKES
6	Trình ca lâm sàng tập trung theo nhóm lớn tại phòng học (theo chỉ định)	Case-Based Learning Giảng tư duy phản biện
7	Hoàn thành Portfolio và các chỉ tiêu yêu cầu (self-reporting) Self-assessment, peer-evaluation	Phản hồi trực tiếp cho người học Phản hồi qua các công cụ phản hồi

6. QUI ĐỊNH CỦA MODULE

Các điều kiện phải thỏa để phép dự thi lần I

Lí thuyết (A3) lần I. Người học được xem là thỏa điều kiện để tham dự khi thỏa điều kiện sau:

- Đã tham gia $\geq 80\%$ buổi nhóm thảo luận ca lâm sàng (≥ 5 buổi ca lâm sàng)

Thực hành (B3) lần I. Người học được xem là thỏa điều kiện để tham dự khi thỏa điều kiện sau:

- Số buổi vắng không phép ≤ 1 ngày cho mỗi bloc khoa lâm sàng hay ≤ 1 buổi trực đêm cho toàn đợt (dưới 10% của tổng khối lượng thời gian thực tập)

Các trường hợp sẽ bị cấm thi lần I

Cấm thi lí thuyết (A3) lần I. Người học sẽ không được dự thi nếu bị rơi vào tình huống sau:

- Vắng trên 20% buổi nhóm thảo luận ca lâm sàng (≥ 2 buổi ca lâm sàng)

Cấm thi thực hành (B3) lần I. Người học sẽ không được dự thi nếu bị rơi vào tình huống sau:

- Số buổi vắng không phép ≥ 2 ngày cho mỗi bloc khoa lâm sàng hay ≥ 2 buổi trực đêm cho toàn đợt ($\geq 10\%$ của tổng khối lượng thời gian thực tập)

Các điều kiện phải thỏa để được phép dự thi lần II

Lí thuyết (A3) lần II. Căn cứ vào lí do phải thi A3 lần II, cần phân biệt các tình huống sau:

- Thi A3 lần II vì không đạt ở lần I. Người học được thi lần II mà không cần điều kiện khác. Người học được dùng lại điểm A2 của lần trước, trong phạm vi của cùng 1 năm học
- Thi A3 lần II vì bị cấm thi lần I vì vắng mặt quá thời lượng. Người học được thi lần II nếu học bù đủ các buổi vắng ca lâm sàng bị thiếu. Người học được dùng lại điểm A2 của lần trước, trong phạm vi của cùng 1 năm học

Thực hành B3 lần II. Căn cứ vào lí do phải thi B3 lần II, cần phân biệt các tình huống sau:

- Nếu thi B3 lần II vì không đạt ở lần I. Người học được thi lần II mà không cần điều kiện khác. Người học được dùng lại điểm B2 của lần trước, trong phạm vi của cùng 1 năm học. Người học phải thi lại toàn bộ các trạm của kì thi B3.
- Thi B3 lần II vì bị cấm thi lần I vì vắng mặt quá thời lượng. Người học được thi lần II nếu thực tập lại đủ 50% tổng thời gian thực hành của môn học trong thời gian trước hè. Người học được dùng lại điểm B2 của lần trước, trong phạm vi của cùng 1 năm học

Thi lại sau lần II (học phần học lại)

Lí thuyết A3 lần II⁺⁺

Theo qui chế của nhà trường, nếu sinh viên đã thi A3 đủ 2 lần nhưng vẫn không đạt, thì sinh viên buộc phải học lại học phần. Sinh viên học lại phải đăng kí học lại toàn bộ phần lí thuyết và thi đủ các bài thi A1, A2, A3 vào những năm học sau. Sinh viên không được dùng điểm đã có trước đó.

Thực hành B3 lần II⁺⁺

Theo qui chế của nhà trường, nếu sinh viên đã thi B3 đủ 2 lần nhưng vẫn không đạt, thì sinh viên buộc phải học lại học phần. Sinh viên học lại phải đăng kí học lại toàn bộ phần lí thuyết và thi đủ các bài thi B1, B2, B3 vào những năm học sau. Sinh viên không được dùng điểm đã có trước đó.

7. PHỤ TRÁCH MODULE

Trưởng năm thứ Sáu, Bộ môn Sản Phụ khoa

BS. Phạm Thanh Hoàng

e-mail: drthanhhoangpham@ump.edu.vn

Phụ trách chương trình đại học

BS. Âu Nhật Luân

e-mail: aunhutluan@ump.edu.vn

Liên hệ công tác

Bộ môn Sản phụ khoa, Khoa Y, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh
Lầu 6, Tòa nhà 15 tầng, 217 Hồng Bàng, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.
+84-28-39252263 (Tổ Bộ môn Từ Dũ)

e-mail: bomonsantudu@ump.edu.vn

e-mail: bomonsanhungvuong@ump.edu.vn

Ngày 27 tháng 07 năm 2020

Trưởng Bộ môn đã kí

PGS. TS. Vương Thị Ngọc Lan

PHỤ LỤC

Liên quan giữa CLO và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo bác sĩ Y khoa của Đại học Y Dược TP. HCM:

	Kiến thức			Kĩ năng					Thái độ		
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO 11
CLO4	5	5	5	5	5	5	5	5	3	3	3
CLO5	5	5	5	5	5	5	5	5	3	3	3

1 = Không liên quan trực tiếp đến PLOs; 2 = Có liên quan yếu đến PLOs; 3 = Có liên quan đến PLOs; 4 = Liên quan rõ rệt đến PLOs; 5 = Liên quan đặc biệt đến PLOs

Liên quan giữa CLO và chuẩn năng lực cơ bản của bác sĩ Y khoa, Bộ Y Tế 2015:

	Lĩnh vực 1				Lĩnh vực 2		Lĩnh vực 3											Lĩnh vực 4		
TC	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
CLO4	5	3	3	5	5	5	5	5	5	5	3	5	1	1	5	5	1	5	1	5
CLO5	5	3	3	5	5	5	5	5	5	5	5	1	5	1	5	5	1	5	1	5

1 = Không liên quan trực tiếp đến chuẩn BYT; 2 = Có liên quan yếu đến chuẩn BYT; 3 = Có liên quan đến chuẩn BYT; 4 = Liên quan rõ rệt đến chuẩn BYT; 5 = Liên quan đặc biệt đến chuẩn BYT.

Đảm bảo tính nhất quán trong cấu trúc (constructive alignment):

	<i>Specific learning outcomes</i> và mô tả chi tiết mục tiêu	<i>Generic skills</i>	<i>Kiến thức cần trang bị</i> i.e. danh sách bài giảng
CLO4	<p>A1: Vận dụng được kiến thức y học cơ sở về chu kì buồng trứng-nội mạc tử cung để đề lí giải và đề thực thi các nguyên lí của tiếp cận chẩn đoán và của quản lí xuất huyết tử cung bất thường (AUB) không liên quan đến thai kì</p> <p>Mục tiêu kiến thức cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> Giải thích được các thuật ngữ liên quan đến AUB và trình bày được hệ thống PALM-COEIN cho phân loại xuất huyết tử cung bất thường của FIGO 2013 Trình bày được bệnh học và nguyên lí của quản lí AUB theo từng độ tuổi: thời kì dậy thì, tuổi hoạt động sinh dục và thời kì quanh mãn kinh Trình bày được tính giá trị của các tests (bao gồm khảo sát nội tiết và hình ảnh) dùng trong khảo sát/đánh giá AUB <p>Mục tiêu kĩ năng cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> Nhận diện được nguyên nhân và ra được quyết định quản lí bước đầu thích hợp cho một trường hợp AUB có nguyên nhân thuộc nhóm PALM Nhận diện được nguyên nhân và ra được quyết định quản lí bước đầu thích hợp cho một trường hợp AUB có nguyên nhân thuộc nhóm COEIN <p>Mục tiêu thái độ cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> Nhận thức được rằng việc quản lí AUB phải bao gồm cả việc đạt các mục tiêu ngắn hạn là giải quyết chuyên biệt theo nguyên nhân lẫn việc đạt các mục tiêu dài hạn là sinh đẻ/ác tính/ảnh hưởng toàn thân 	<p>GS01. Kĩ năng giao tiếp</p> <p>GS02. Kĩ năng tư vấn</p> <p>GS03. Tính chuyên nghiệp</p> <p>GS04. Thông báo tin xấu</p>	<ol style="list-style-type: none"> Giải phẫu học, mô học và sinh lí học các cơ quan nguồn gốc Muller Cơ quan đích và cơ chế tác dụng của các hormones steroid sinh dục Chu kì buồng trứng, trục hạ đồi-tuyến yên-buồng trứng, chu kì nội mạc tử cung Căn bản về hình ảnh học trong phụ khoa Phân loại xuất huyết tử cung bất thường (AUB) theo PALM-COEIN của FIGO 2013 Xuất huyết từ cung cơ năng tuổi dậy thì AUB-O trong tuổi sinh đẻ, không kể xuất huyết liên quan đến thai kì AUB có nguyên nhân thực thể (PALM) AUB quanh và sau mãn kinh
	<p>A2: Vận dụng được kiến thức về sinh lí thụ thai và thai kì giai đoạn sớm để đề lí giải và đề thực thi các nguyên lí của tiếp cận chẩn đoán và của quản lí xuất huyết tử cung bất thường có liên quan đến tam cá nguyệt thứ nhất của thai kì</p> <p>Mục tiêu kiến thức cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> Nhận diện và ra được quyết định quản lí thích hợp cho một trường hợp thai nghén bị thất bại sớm Nhận diện và ra được quyết định quản lí thích hợp cho một trường hợp thai lâm tỏ ngoài buồng tử cung Nhận diện và ra được quyết định quản lí bước đầu cho một trường hợp bệnh nguyên bào nuôi thai kì <p>Mục tiêu kĩ năng cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> Thu thập (thông qua khai thác bệnh sử, khám lâm sàng, đề xuất thực hiện tests) và vận dụng được các dữ kiện lâm sàng, siêu âm và động học hCG để xác lập được chẩn đoán thích hợp cho một thai kì với xuất huyết tử cung bất thường trong ba tháng đầu <p>Mục tiêu thái độ cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> Nhận thức được tính chất quan trọng của nhận diện và đưa ra quyết định quản lí thích hợp cho thai kì ở ba tháng đầu có kèm xuất huyết tử cung bất thường 	<p>GS01. Kĩ năng giao tiếp</p> <p>GS02. Kĩ năng tư vấn</p> <p>GS03. Tính chuyên nghiệp</p> <p>GS04. Thông báo tin xấu</p>	<ol style="list-style-type: none"> Sự hình thành và phát triển của lá nuôi. Sự phát triển của phôi và của thai nhi trong tử cung Khảo sát hCG trong thai kì Vai trò cốt lõi của khảo sát siêu âm thai trong đánh giá thai kì ở ba tháng đầu Các vấn đề liên quan đến xác định tuổi thai Đánh giá sinh tồn thai và thai nghén thất bại sớm Thai có vị trí lâm tỏ ở ngoài buồng tử cung Bệnh lí tân sinh nguyên bào nuôi thai kì Phân tích tính giá trị của một test, lợi ích và khả năng gây hại của một can thiệp

	<p>A3: Vận dụng được kiến thức về sinh bệnh học của các bệnh lý nhiễm trùng đường sinh dục nữ phổ biến để đề lý giải và đề thực thi các nguyên lý của quản lý các trường hợp tiết dịch âm đạo bất thường</p> <p>Mục tiêu kiến thức cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình bày được khái niệm về hệ vi sinh âm đạo lành mạnh (bao gồm định nghĩa, cấu tạo, chức năng và phân loại) 2. Trình bày được tính giá trị của các test khảo sát khuẩn hệ âm đạo (vaginal microbiota) 3. Trình bày được bệnh học và nguyên lý quản lý bất thường của vaginal microbiota (bacterial vaginosis và candidiasis) 4. Trình bày được thay đổi mô học ở cổ tử cung trong cuộc đời người phụ nữ và các đáp ứng sinh lý theo sau các biến động lý-hóa hệ quả của biến động hệ vi sinh <p>Mục tiêu kỹ năng cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận diện được nguyên nhân qua khám lâm sàng và qua diễn giải kết quả test vi sinh, và ra được quyết định quản lý bước đầu thích hợp cho một trường hợp có tiết dịch âm đạo bất thường (bacterial vaginosis và candidiasis) 2. Hướng dẫn và tư vấn được cho người phụ nữ về phương thức đảm bảo duy trì một hệ vi sinh âm đạo lành mạnh <p>Mục tiêu thái độ cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận thức được vai trò quan trọng của việc đảm bảo duy trì một hệ vi sinh lành mạnh của âm đạo 	<p>GS01. Kỹ năng giao tiếp GS02. Kỹ năng tư vấn GS03. Tính chuyên nghiệp</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giải phẫu học, mô học và sinh lý học các cơ quan nguồn gốc Mullerian 2. Khái niệm về khuẩn hệ âm đạo (vaginal microbiota) và chức năng của khuẩn hệ 3. Xử lý các rối loạn của khuẩn hệ âm đạo: loạn khuẩn âm đạo (vaginal vaginosis) 4. Khái niệm về nấm hệ âm đạo (vaginal mycobiota) và xử lý rối loạn của nấm hệ 5. Thay đổi mô học ở cổ tử cung qua các giai đoạn của cuộc đời người phụ nữ
	<p>A4: Vận dụng được kiến thức về sinh bệnh học của các bệnh lây qua tình dục (STD) để lý giải và đề thực thi nguyên lý dự phòng, tầm soát và quản lý các STD</p> <p>Mục tiêu kiến thức cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình bày được bệnh học, nguyên lý quản lý và phương thức dự phòng các STD phổ biến trong mô hình bệnh tật Việt Nam (bao gồm nhiễm <i>Trichomonas vaginalis</i>, nhiễm <i>Treponema pallidum</i>, nhiễm <i>Neisseria gonorrhoeae</i>, nhiễm <i>Chlamydia trachomatis</i>, nhiễm HIV) 2. Trình bày được chiến lược tầm soát đặc thù cho các tác nhân gây STD phổ biến trong mô hình bệnh tật Việt Nam (bao gồm nhiễm <i>Trichomonas vaginalis</i>, nhiễm <i>Treponema pallidum</i>, nhiễm <i>Neisseria gonorrhoeae</i>, nhiễm <i>Chlamydia trachomatis</i>, nhiễm HIV) 3. Trình bày được bệnh học và nguyên lý quản lý một trường hợp viêm vùng chậu cấp do nhiễm (các) tác nhân gây STD <p>Mục tiêu kỹ năng cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận diện/đánh giá được và ra được quyết định quản lý thích hợp, theo nguyên nhân và được cá thể hóa, cho một người mắc STD cũng như cho (các) người phối ngẫu 2. Nhận diện/đánh giá được và ra được quyết định quản lý thích hợp cho một trường hợp viêm vùng chậu cấp do nhiễm (các) tác nhân gây STD 3. Hướng dẫn và tư vấn được cho một phụ nữ về ý nghĩa và sự cần thiết của việc thực hiện các test tầm soát thường qui STD (bao gồm nhiễm <i>T. pallidum</i> và nhiễm HIV) <p>Mục tiêu thái độ cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận thức được vai trò quan trọng của thực hiện hành vi tình dục an toàn trong phòng tránh các STD 	<p>GS01. Kỹ năng giao tiếp GS02. Kỹ năng tư vấn GS03. Tính chuyên nghiệp</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm về các bệnh lây qua tình dục và quan điểm dự phòng các bệnh này (theo CDC) 2. Nhận diện và quản lý nhiễm <i>Trichomonas vaginalis</i> 3. Tầm soát, nhận diện và quản lý nhiễm <i>Treponema pallidum</i> 4. Nhận diện và quản lý nhiễm <i>Neisseria gonorrhoeae</i> 5. Vi sinh học <i>Chlamydia trachomatis</i> và đáp ứng miễn dịch vật chủ với <i>Chlamydia trachomatis</i> 6. Nhận diện và quản lý nhiễm <i>Chlamydia trachomatis</i> 7. Vi sinh học của HIV 8. Tầm soát, nhận diện và quản lý nhiễm HIV 9. Nhận diện, đánh giá, quản lý viêm vùng chậu cấp
	<p>A5: Vận dụng được kiến thức về sinh bệnh học của ung thư cổ tử cung để đề lý giải và đề thực thi nguyên lý của chương trình tầm soát ung thư cổ tử cung và các nguyên lý của quản lý theo sau kết quả tầm soát</p> <p>Mục tiêu kiến thức cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình bày được hệ thống phân loại tế bào học cổ tử cung tầm soát ung thư cổ tử cung theo Bethesda 2014 và mối liên quan với các tổn thương mô tả trong hệ thống danh pháp hai bậc (two-tiered) các -SIL 2. Trình bày được lịch sử diễn biến tự nhiên, bệnh học và nguyên lý quản lý các (-SIL) <p>Mục tiêu kỹ năng cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận diện và ra được quyết định quản lý thích hợp cho các trường hợp có kết quả tầm soát dương tính với tổn thương trong biểu mô lát (-SIL) (ASC-US hay cao hơn) <p>Mục tiêu thái độ cụ thể của bài học</p>	<p>GS01. Kỹ năng giao tiếp GS02. Kỹ năng tư vấn GS03. Tính chuyên nghiệp GS04. Thông báo tin xấu</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giải phẫu học, mô học và sinh lý học các cơ quan nguồn gốc Mullerian 2. Thay đổi mô học ở cổ tử cung qua các giai đoạn của cuộc đời người phụ nữ 3. PAP's test và soi cổ tử cung trong thực hành phụ khoa. Hệ thống danh pháp Bethesda 2014 và hệ danh pháp hai bậc tổn thương trong biểu mô lát cổ tử cung (LSIL/HSIL) 4. Vi sinh học của nhiễm Human Papilloma Virus 5. Lịch sử diễn biến tự nhiên của các tổn thương trong biểu mô lát (-SIL) 6. Quản lý các tổn thương trong biểu mô lát (LSIL/HSIL)

	<p>1. Nhận thức được vai trò quan trọng của nhân diện và quản lý các tổn thương tiền ung thư của cổ tử cung (-SIL) trong nỗ lực làm giảm tử vong do ung thư cổ tử cung</p>		
	<p>A6: Vận dụng được kiến thức về sinh bệnh học của ung thư cổ tử cung để đề lý giải và thực thi nguyên lý của chương trình dự phòng, bao gồm cả tiêm phòng</p> <p>Mục tiêu kiến thức cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> Trình bày được tính giá trị của các test tầm soát sơ cấp ung thư cổ tử cung hiện hữu, và chiến lược tầm soát ung thư cổ tử cung tại Việt Nam Trình bày được tính năng và hiệu quả bảo vệ của các vaccine phòng HPV hiện có trên thị trường Việt Nam <p>Mục tiêu kỹ năng cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> Hướng dẫn và tư vấn được cho người phụ nữ về lịch biểu thực hiện tầm soát sơ cấp ung thư cổ tử cung bằng tế bào học đơn thuần hay bằng co-testing Hướng dẫn và tư vấn được cho người phụ nữ về lịch biểu thực hiện tiêm vaccine phòng HPV và ung thư cổ tử cung <p>Mục tiêu thái độ cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> Nhận thức vai trò của tiêm phòng HPV và của tầm soát ung thư cổ tử cung để làm giảm tử vong do bệnh lý này 	<p>GS01. Kỹ năng giao tiếp GS02. Kỹ năng tư vấn GS03. Tính chuyên nghiệp</p>	<ol style="list-style-type: none"> Giải phẫu học, mô học và sinh lý học các cơ quan nguồn gốc Mullerian Thay đổi mô học ở cổ tử cung qua các giai đoạn của cuộc đời người phụ nữ PAP's test và soi cổ tử cung trong thực hành phụ khoa. Hệ thống danh pháp Bethesda 2014 và hệ danh pháp hai bậc tổn thương trong biểu mô lát cổ tử cung (LSIL/HSIL) Vì sinh học của nhiễm HPV Lịch sử diễn biến tự nhiên của các tổn thương trong biểu mô lát (-SIL) Các chiến lược tầm soát sơ cấp -SIL Nguyên lý, chiến lược tiêm phòng vaccine HPV
	<p>A7: Vận dụng được kiến thức y học cơ sở về sinh bệnh học của 2 bệnh lý phổ biến của tử cung là u xơ-cơ và adenomyosis để đề lý giải và để thực thi nguyên lý của tiếp cận chẩn đoán và quản lý theo vấn đề chủ</p> <p>Mục tiêu kiến thức cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> Trình bày được bệnh học và nguyên lý quản lý dựa trên vấn đề chủ của u xơ-cơ tử cung Trình bày được bệnh học và nguyên lý quản lý dựa trên vấn đề chủ của adenomyosis Trình bày được giá trị của các khảo sát hình ảnh trong bệnh lý lành tính của tử cung <p>Mục tiêu kỹ năng cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> Nhận diện/đánh giá được vấn đề chủ, ra được quyết định quản lý được cá thể hóa, cho người có u xơ-cơ tử cung Nhận diện/đánh giá được vấn đề chủ và tư vấn/ra được quyết định quản lý thích hợp, và được cá thể hóa, cho một người có adenomyosis <p>Mục tiêu thái độ cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> Nhận thức được vai trò quan trọng của nhận diện chính xác vấn đề chủ và nguyên tắc của quản lý theo vấn đề chủ khi đứng trước các cấu trúc (u) lành tính của tử cung 	<p>GS01. Kỹ năng giao tiếp GS02. Kỹ năng tư vấn GS03. Tính chuyên nghiệp</p>	<ol style="list-style-type: none"> Giải phẫu học, mô học và sinh lý học các cơ quan nguồn gốc Mullerian Cơ quan đích và cơ chế tác dụng của các hormones steroid sinh dục Căn bản về hình ảnh học trong phụ khoa Sinh lý chu kỳ buồng trứng, chu kỳ nội mạc tử cung Phân loại xuất huyết tử cung bất thường (AUB) theo PALM-COEIN của FIGO 2013 Bệnh học của u xơ-cơ tử cung Quản lý nội khoa và không nội khoa u xơ-cơ tử cung theo nguyên lý dựa trên vấn đề chủ Bệnh học của adenomyosis Quản lý adenomyosis theo nguyên lý dựa trên vấn đề chủ
	<p>A8: Vận dụng được kiến thức về mô học, bệnh học, hình ảnh học của buồng trứng để đề lý giải và để thực thi các nguyên lý của tiếp cận chẩn đoán và quản lý các cấu trúc không tân lập và tân lập của buồng trứng</p> <p>Mục tiêu kiến thức cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> Trình bày được chiến lược tổng quát để tiếp cận và để nhận diện bản chất của một khối ở phần phụ (cấu trúc cơ năng, thực thể không tân lập, thực thể tân lập lành/ác tính) Trình bày được cơ sở lý luận của hệ thống phân loại các khối u buồng trứng dựa trên cơ sở phôi học của WHO Trình bày được tính giá trị của các phương tiện khảo sát khối u buồng trứng, bao gồm hình ảnh học (siêu âm thang xám, phân loại hình ảnh theo IOTA) và chỉ báo sinh học Trình bày được đặc điểm dịch tễ học của ung thư buồng trứng và phân tích được cơ sở để xây dựng chiến lược tầm soát có trọng điểm cho dân số nguy cơ <p>Mục tiêu kỹ năng cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> Nhận diện/đánh giá được qua khai thác dữ kiện từ bệnh sử, từ khám lâm sàng và các tests (hình ảnh, chỉ báo sinh học) bản chất của một khối ở buồng trứng, và đưa ra tư vấn hay quyết định quản lý thích hợp theo nguyên nhân Nhận diện được một người thuộc nhóm có nguy cơ ung thư buồng trứng và ra được chiến lược quản lý thích hợp <p>Mục tiêu thái độ cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> Nhận thức được vai trò quan trọng của việc nhận diện chính xác bản chất của khối ở phần phụ nhằm tránh những can thiệp không có lợi hay bất lợi trên các cấu trúc cơ năng và thực thể không tân lập Nhận thức được rằng luôn phải chú ý khả năng có ác tính trên một tân lập của buồng trứng, và vai trò quan trọng 	<p>GS01. Kỹ năng giao tiếp GS02. Kỹ năng tư vấn GS03. Tính chuyên nghiệp GS04. Thông báo tin xấu</p>	<ol style="list-style-type: none"> Khảo sát hCG trong thai kỳ Giải phẫu học, mô học và sinh lý học các cơ quan Mullerian Căn bản về hình ảnh học trong phụ khoa Sinh lý chu kỳ buồng trứng và chu kỳ nội mạc tử cung Vì sinh học <i>Chlamydia trachomatis</i> và đáp ứng miễn dịch với <i>Chlamydia trachomatis</i> Phôi thai học của buồng trứng Phân loại u buồng trứng của WHO theo phôi thai học Dịch tễ học của ung thư buồng trứng. Đột biến <i>BRCA</i> Quản lý cấu trúc cơ năng của buồng trứng theo nguyên nhân Nhận diện và quản lý lao sinh dục Nhận diện và quản lý lạc nội mạc tử cung ở buồng trứng và vùng chậu Nguyên lý tiếp cận các cấu trúc thực thể không tân lập ở phần phụ theo vấn đề chủ Hình ảnh học (nâng cao) và các chỉ báo sinh học trong khảo sát các cấu trúc tân lập của buồng trứng. Nguyên lý quản lý cấu trúc thực thể tân lập ở phần phụ theo đặc điểm hình ảnh học (IOTA) có hay không kèm biomarkers Phân tích chiến lược tầm soát ung thư buồng trứng

	<p>của việc nhận diện chính xác khả năng lành tính hay nguy cơ là ác tính của một tổn thương trước phẫu thuật nhằm tránh những can thiệp không thỏa đáng (thiếu hay quá mức)</p>		
	<p>A9: Vận dụng được kiến thức về mô học, bệnh học, hình ảnh học của tuyến vú để đề lý giải và đề thực thi các nguyên lý của tiếp cận chẩn đoán và quản lý các vấn đề thường gặp của tuyến vú</p> <p>Mục tiêu kiến thức cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình bày được bệnh học và nguyên lý tiếp cận của một trường hợp đau vú <p>Mục tiêu kỹ năng cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận diện/đánh giá được nguyên nhân của một trường hợp đau vú qua dữ kiện từ bệnh sử, từ khám lâm sàng và khảo sát hình ảnh và ra được quyết định quản lý thích hợp <p>Mục tiêu thái độ cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận thức được rằng đau vú ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của người phụ nữ và luôn đòi hỏi quản lý thích hợp và được cá thể hóa 	<p>GS01. Kỹ năng giao tiếp GS02. Kỹ năng tư vấn GS03. Tính chuyên nghiệp</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phân tích lợi ích và nguy cơ của một can thiệp (NNT và NNH) 2. Cơ quan đích và cơ chế tác dụng của các steroids sinh dục 3. Giải phẫu học và mô học tuyến vú 4. Quản lý một trường hợp đau vú
	<p>A10: Vận dụng được kiến thức về mô học, bệnh học, hình ảnh học của ung thư vú để đề lý giải và đề thực thi các nguyên lý của tầm soát ung thư vú và các nguyên lý của quản lý theo sau kết quả tầm soát</p> <p>Mục tiêu kiến thức cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình bày được bệnh học của ung thư vú 2. Trình bày được tính giá trị của tự nhận thức về vú, của khám lâm sàng tuyến vú, và của các khảo sát hình ảnh trong bệnh lý lành tính của tuyến vú 3. Trình bày được tính giá trị của tự nhận thức về vú, của khám lâm sàng tuyến vú, và của các khảo sát hình ảnh trong mục đích tầm soát ung thư vú 4. Trình bày được giá trị của các test tầm soát ung thư vú bao gồm nhũ ảnh, cộng hưởng từ tuyến vú và khảo sát đột biến gene <i>BRCA</i> 5. Trình bày được giá trị của các tests chẩn đoán ung thư vú bao gồm tế bào học qua hút bằng kim nhỏ và sinh thiết lõi <p>Mục tiêu kỹ năng cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân tích và nhận diện được nhóm nguy cơ mắc ung thư vú ở một phụ nữ (nguy cơ bình quân hay cao) dựa trên dữ kiện tiền sử, lâm sàng và các mô hình tính toán nguy cơ 2. Tư vấn và hướng dẫn đủ và thích hợp cho một phụ nữ về lịch biểu và nội dung của tầm soát ung thư vú, tùy theo nhóm dân số nguy cơ được nhận diện 3. Nhận diện được và ra được quyết định quản lý bước đầu thích hợp cho một bất thường ở tuyến vú, phát hiện qua tự nhận thức về vú, hay qua siêu âm, hay qua khám lâm sàng hay qua tầm soát thường qui bằng nhũ ảnh/cộng hưởng từ <p>Mục tiêu thái độ cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận thức được rằng thực thi chiến lược tầm soát ung thư vú thích hợp cho từng nhóm dân số nguy cơ có thể giúp phát hiện một cách hiệu quả và sớm ung thư vú, và làm giảm tử vong do ung thư vú 	<p>GS01. Kỹ năng giao tiếp GS02. Kỹ năng tư vấn GS03. Tính chuyên nghiệp GS04. Thông báo tin xấu</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phân tích lợi ích và nguy cơ của một can thiệp (NNT và NNH) 2. Cơ quan đích và cơ chế tác dụng của các steroids sinh dục 3. Giải phẫu học và mô học tuyến vú 4. Căn bản về hình ảnh học của tuyến vú 5. Các mô hình đánh giá nguy cơ ung thư vú. Đột biến <i>BRCA</i> 6. Các chiến lược tầm soát ung thư vú cho đối tượng có nguy cơ bình quân của ung thư vú 7. Các chiến lược tầm soát ung thư vú cho đối tượng có nguy cơ cao của ung thư vú 8. Tiếp cận sau tầm soát với kết quả dương tính với ung thư vú
CLO5	<p>A11: Vận dụng được kiến thức về sinh lý chu kỳ buồng trứng-chu kỳ nội mạc tử cung và sinh lý thụ thai để lý giải <u>các nguyên lý của thực hành tránh thai</u> và của quản lý các vấn đề liên quan đến tránh thai</p> <p>Mục tiêu kiến thức cụ thể của bài học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình bày được các đặc trưng cơ bản của một phương pháp tránh thai (tính an toàn, tính hiệu quả, tính chấp nhận và tính kinh tế) và quan điểm cá thể hóa trong chiến lược tiếp cận lựa chọn một phương pháp tránh thai 2. Trình bày được đặc trưng cơ bản của các phương pháp tránh thai bằng steroid sinh dục ngoại sinh (HC), và các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn tránh thai bằng nội tiết, trên cơ sở của hướng dẫn MEC về tránh thai của WHO 3. Trình bày được đặc trưng cơ bản của phương pháp tránh thai bằng dụng cụ tử cung (IUS), và các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn tránh thai bằng IUS, trên cơ sở của hướng dẫn MEC về tránh thai của WHO 4. Trình bày được đặc trưng cơ bản của các phương pháp tránh thai trên cơ sở rào chắn, và các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn tránh thai bằng phương pháp này, trên cơ sở của hướng dẫn MEC về tránh thai của WHO 	<p>GS01. Kỹ năng giao tiếp GS02. Kỹ năng tư vấn GS03. Tính chuyên nghiệp</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giải phẫu, mô học và sinh lý các cơ quan Mullerian 2. Cơ chế tác dụng của các hormones steroid sinh dục 3. Sinh lý chu kỳ buồng trứng, chu kỳ nội mạc tử cung 4. Khái niệm về STD và quan điểm dự phòng (CDC) 5. Nguyên lý chung của chọn lựa biện pháp tránh thai 6. MEC của WHO về chọn lựa biện pháp tránh thai 7. Tránh thai bằng viên nội tiết E-P phối hợp 8. Tránh thai bằng viên chỉ có progestogen đơn thuần 9. Tránh thai với long acting steroid delivery systems 10. Tránh thai khẩn cấp bằng nội tiết 11. Tránh thai bằng dụng cụ tử cung chứa đồng 12. Tránh thai bằng các biện pháp rào chắn 13. Tránh thai vĩnh viễn dành cho nữ giới 14. Tránh thai vĩnh viễn dành cho nam giới

	<p>5. Trình bày được đặc trưng cơ bản của các phương pháp tránh thai vĩnh viễn (cho nam và cho nữ), và các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn tránh thai bằng phương pháp này, trên cơ sở của hướng dẫn MEC về tránh thai của WHO</p> <p>Mục tiêu kỹ năng cụ thể của bài học</p> <p>1. Thực hiện được một cuộc tư vấn và hướng dẫn đầy đủ, chính xác và thích hợp (cá thể hóa) cho một người hay một cặp vợ chồng mong muốn dùng một phương pháp tránh thai</p> <p>Mục tiêu thái độ cụ thể của bài học</p> <p>1. Nhận thức được rằng việc thực hành tránh thai phải được cá thể hóa cao độ, dựa trên các đặc trưng cơ bản của phương pháp và dựa trên cơ sở của lựa chọn của cá nhân người dùng</p>		
	<p>A11: Vận dụng được kiến thức về sinh lý chu kỳ buồng trứng-chu kỳ nội mạc tử cung và sinh lý thụ thai để lý giải các nguyên lý của thực hành tránh thai và của <u>quản lý các vấn đề liên quan đến tránh thai</u></p> <p>Mục tiêu kiến thức cụ thể của bài học</p> <p>1. Trình bày được các đặc trưng cơ bản của các phương pháp tránh thai bằng steroid sinh dục ngoại sinh (HC), và các vấn đề đặc thù của HC, bao gồm xử lý các tác dụng ngoại ý, xử lý quên thuốc, tránh thai khẩn cấp, phát hiện có thai khi đang tránh thai bằng thuốc</p> <p>2. Trình bày được các đặc trưng cơ bản của phương pháp tránh thai bằng dụng cụ tử cung (IUS), và các vấn đề đặc thù của tránh thai bằng IUS, bao gồm thời điểm thay mới IUS, xử lý đau, AUB-I, xử lý IUS hay bị tổng xuất và phát hiện có thai khi đang tránh thai bằng IUS</p> <p>3. Trình bày được các đặc trưng cơ bản của các phương pháp tránh thai trên cơ sở rào chắn, và các vấn đề đặc thù của tránh thai bằng phương pháp này, bao gồm khả năng bảo vệ khỏi STD rất thay đổi tùy tác nhân, xử lý các sự cố như tụt bao, vỡ bao, sử dụng thuốc diệt tinh trùng sai</p> <p>4. Trình bày được các đặc trưng cơ bản của các phương pháp tránh thai vĩnh viễn (cho nam và cho nữ), và xử lý các trường hợp muốn khôi phục khả năng có thai sau tránh thai vĩnh viễn (cho nam và cho nữ)</p> <p>Mục tiêu kỹ năng cụ thể của bài học</p> <p>1. Thực hiện được một cuộc tư vấn và hướng dẫn đầy đủ, chính xác và thích hợp (cá thể hóa) cho một người hay một cặp vợ chồng đang gặp phải một sự cố hay một vấn đề chuyển biệt khi sử dụng một phương pháp tránh thai</p> <p>Mục tiêu thái độ cụ thể của bài học</p> <p>1. Nhận thức được rằng việc thực hành tránh thai chỉ đạt hiệu quả nếu như nhân viên y tế có năng lực quản lý tốt các sự kiện hay vấn đề xảy ra trong quá trình thực hành tránh thai</p>		<p>1. Giải phẫu, mô học và sinh lý các cơ quan Mullerian</p> <p>2. Cơ chế tác dụng của các hormones steroid sinh dục</p> <p>3. Sinh lý chu kỳ buồng trứng, chu kỳ nội mạc tử cung</p> <p>4. Khái niệm về STD và quan điểm dự phòng (CDC)</p> <p>5. Nguyên lý chung của chọn lựa biện pháp tránh thai</p> <p>6. MEC của WHO về chọn lựa biện pháp tránh thai</p> <p>7. Tránh thai bằng viên nội tiết E-P phối hợp</p> <p>8. Tránh thai bằng viên chỉ có progestogen đơn thuần</p> <p>9. Tránh thai với long acting steroid delivery systems</p> <p>10. Tránh thai khẩn cấp bằng nội tiết</p> <p>11. Tránh thai bằng dụng cụ tử cung chứa đồng</p> <p>12. Tránh thai bằng các biện pháp rào chắn</p> <p>13. Tránh thai vĩnh viễn dành cho nữ giới</p> <p>14. Tránh thai vĩnh viễn dành cho nam giới</p>
	<p>A11: Vận dụng được kiến thức về sinh lý chu kỳ buồng trứng-chu kỳ nội mạc tử cung và sinh lý thụ thai để lý giải các nguyên lý của thực hành kiểm soát sinh sản người và của <u>quản lý các vấn đề liên quan đến kiểm soát sinh sản người</u></p> <p>Mục tiêu kiến thức cụ thể của bài học</p> <p>1. Trình bày được quan điểm về phá thai an toàn của WHO</p> <p>2. Trình bày được nguyên lý của phá thai nội khoa (trong ba tháng đầu) và các vấn đề thực hành có liên quan</p> <p>3. Trình bày được nguyên lý của phá thai ngoại khoa (trong ba tháng đầu) và các vấn đề thực hành có liên quan</p> <p>Mục tiêu kỹ năng cụ thể của bài học</p> <p>1. Tư vấn được đủ và thích hợp cho một người đến phá thai về các vấn đề liên quan đến phá thai (trong ba tháng đầu) trước thực hiện và sau khi hoàn tất phá thai (nội khoa hay ngoại khoa)</p> <p>Mục tiêu thái độ cụ thể của bài học</p> <p>1. Nhận thức được rằng tuy phá thai chỉ là giải pháp tình thế cho thất bại của tránh thai, nhưng khi cần, thì nó phải được thực hiện trong các điều kiện an toàn</p>	<p>GS01. Kỹ năng giao tiếp</p> <p>GS02. Kỹ năng tư vấn</p> <p>GS03. Tính chuyên nghiệp</p>	<p>1. Nguyên lý chỉ phối thực hành phá thai nội khoa</p> <p>2. Nguyên lý chỉ phối thực hành phá thai ngoại khoa</p> <p>3. Cung cấp dịch vụ phá thai an toàn (WHO)</p>

PHỤ LỤC

(Notes)

- ⁱ PLO1. Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và y học lâm sàng trong thực hành chăm sóc sức khỏe.
- ⁱⁱ PLO 2. Vận dụng được y học dựa trên chứng cứ trong thực hành chăm sóc sức khỏe.
- ⁱⁱⁱ PLO 3. Vận dụng được các kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng.
- ^{iv} PLO 4. Thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng; chẩn đoán chính xác các bệnh lý phổ biến.
- ^v PLO 5. Thiết lập kế hoạch điều trị chăm sóc sức khỏe toàn diện và hợp lý, theo nguyên tắc người bệnh là trung tâm.
- ^{vi} PLO 6. Thực hiện được sơ cấp cứu, điều trị người bệnh phù hợp với vai trò, chức năng bác sĩ Y khoa; đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả.
- ^{vii} PLO 7. Xác định được các vấn đề sức khỏe thông thường trong cộng đồng, lập kế hoạch và đề xuất các giải pháp thích hợp.
- ^{viii} PLO 8. Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với người bệnh và người thân của người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong thực hành chăm sóc sức khỏe.
- ^{ix} PLO 9. Thực hiện tổ chức, quản lý và duy trì môi trường làm việc chuyên môn một cách an toàn và hiệu quả.
- ^x PLO 10. Tuân thủ các quy định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc sức khỏe.
- ^{xi} PLO 11. Thể hiện tính chuyên nghiệp và phát triển nghề nghiệp liên tục trong thực hành chăm sóc sức khỏe.
- ^{xii} <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Quyết-dinh-1854-QĐ-BYT-2015-Chuan-nang-luc-co-ban-cua-Bac-si-da-khoa-279947.aspx>
- ^{xiii} Lĩnh vực 1: Năng lực hành nghề chuyên nghiệp: *Bác sĩ đa khoa phải có tác phong hành nghề chuyên nghiệp theo những chuẩn mực đạo đức, pháp lý và tôn trọng các giá trị văn hóa đa dạng.*
- ^{xiv} Lĩnh vực 2: Năng lực ứng dụng kiến thức y học: *Bác sĩ đa khoa phải có khả năng ứng dụng kiến thức của ngành khoa học cơ bản y học cơ sở, bệnh học, y xã hội học làm cơ sở lý luận để nhận biết, giải thích, giải quyết vấn đề và truyền đạt cho cá nhân, nhóm cá nhân, cộng đồng về tình trạng sức khỏe, bệnh tật.*
- ^{xv} Lĩnh vực 3: Năng lực chăm sóc y khoa: *Bác sĩ đa khoa phải có khả năng giải quyết các nhu cầu chăm sóc sức khỏe cơ bản một cách an toàn, kịp thời, chi phí - hiệu quả dựa vào bằng chứng khoa học và phù hợp với điều kiện thực tế.*
- ^{xvi} Lĩnh vực 4: Năng lực giao tiếp - cộng tác: *Bác sĩ đa khoa phải có khả năng giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà, đồng nghiệp và cộng đồng.*
- ^{xvii} Tiêu chuẩn 1. Hành nghề phù hợp với bối cảnh văn hóa xã hội và điều kiện thực tế
- ^{xviii} Tiêu chuẩn 2. Hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp
- ^{xix} Tiêu chuẩn 3. Hành nghề theo quy định của pháp luật
- ^{xx} Tiêu chuẩn 4. Học tập suốt đời cho phát triển cá nhân và nghề nghiệp
- ^{xxi} Tiêu chuẩn 5. Ứng dụng các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh học trong thực hành chăm sóc y khoa
- ^{xxii} Tiêu chuẩn 6. ứng dụng các nguyên tắc, phương pháp y tế công cộng trong thực hành chăm sóc y khoa
- ^{xxiii} Tiêu chuẩn 7. Chẩn đoán, xử trí dựa vào bằng chứng có tham gia của người bệnh, người nhà và CBYT liên quan phù hợp với điều kiện thực tế.
- ^{xxiv} Tiêu chuẩn 8. Áp dụng các kiến thức, phương pháp luận về hành vi, tâm lý, xã hội trong thực hành chăm sóc y khoa
- ^{xxv} Tiêu chuẩn 9. Điều trị bằng thuốc an toàn, chi phí - hiệu quả
- ^{xxvi} Tiêu chuẩn 10. Chăm sóc sức khỏe thai sản
- ^{xxvii} Tiêu chuẩn 11. Hồi sức, sơ cứu và chăm sóc tích cực
- ^{xxviii} Tiêu chuẩn 12. Chăm sóc kéo dài, chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh mãn tính hoặc nan y
- ^{xxix} Tiêu chuẩn 13. Kiểm soát đau
- ^{xxx} Tiêu chuẩn 14. YHCT và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc trong điều trị, dự phòng và phục hồi chức năng một số bệnh thường gặp
- ^{xxxi} Tiêu chuẩn 15. Tham gia kiểm soát lây nhiễm
- ^{xxxii} Tiêu chuẩn 16. Tuyên truyền, giáo dục, vận động cho tăng cường sức khỏe và dự phòng bệnh tật
- ^{xxxiii} Tiêu chuẩn 17. Quản lý từ vong
- ^{xxxiv} Tiêu chuẩn 18. Tạo dựng được mối quan hệ thân thiện, hợp tác, tin tưởng với người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng
- ^{xxxv} Tiêu chuẩn 19. Cộng tác có hiệu quả với đồng nghiệp và đối tác
- ^{xxxvi} Tiêu chuẩn 20. Giao tiếp hiệu quả